

Bản án số: 39/2023/HS-ST

Ngày: 18-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trung

Ông Vũ Minh Dũng

Ông Nguyễn Tấn Phú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Họ và tên:** Nguyễn Văn S; giới tính: nam, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1999, tại Vương quốc Campuchia; quốc tịch: không; dân tộc: không; tôn giáo: không; nơi tạm trú: ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện tại: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961; mẹ: Trương Thị N, sinh năm 1967; gia đình bị cáo có 06 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2007; bị cáo là con thứ tư trong gia đình; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC ngày 08/5/2017, Công an huyện L xử phạt hành chính hình thức cảnh cáo, về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu N1: giới tính: nam; sinh ngày 16 tháng 12 năm 1997, tại tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Nguyễn Văn N2, đã chết; mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; gia đình bị cáo có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1991, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; con: Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 22/2017/HS-ST ngày 30/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong Bản án ngày 30/3/2017 và đã xóa án tích.

+ Tại Bản án số 23/2018/HS-ST ngày 31/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xử phạt 12 tháng tù, về tội “Buôn bán hàng cấm”. Bị cáo đã chấp hành xong Bản án ngày 21/6/2019 và đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Xuân G; giới tính: nam; sinh ngày 01 tháng 11 năm 2000, tại tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Trần Xuân Đ1, đã chết; mẹ: Triệu Thị D, sinh năm: 1961; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1984, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Từ Khắc D1, sinh năm 1977; nơi thường trú: khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1935; cư trú tại: khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Từ Trọng N3, nơi cư trú: khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Hồ Phương B1 – Công ty L – Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: số F, quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1984 (có mặt);
2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1998 (có mặt);

Cùng địa chỉ: tạm trú thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2022, ông Nguyễn Văn Đ là cha ruột của Nguyễn Văn S đi nhặt phế liệu tại sân bóng của anh Từ Khắc D1 thì anh D1 ngăn cản, đánh và ném gạch vào đầu ông Đ. Do bức tức việc cha mình bị đánh nên S nảy sinh ý định đánh anh D1 trả thù.

Khoảng 10 giờ ngày 13/6/2022, S đón xe khách đi từ bến xe T tới bến xe huyện L, tỉnh Bình Phước. Khi đến bến xe huyện L thì S xuống xe và gọi điện thoại cho Trần Xuân G rủ G cùng đi đánh anh D1 thì G đồng ý. Sau đó, G đón xe đi từ thị xã C đến bến xe L để gặp S. Tại bến xe huyện L, G và S tiếp tục đón xe khách về huyện B. Khi về đến khu vực chợ T3, huyện B, S và G xuống xe, S gọi qua Facebook cho Nguyễn Hữu N1 ra đón S và G về nhà N1 tại ấp T, xã T để cùng uống rượu với chị Hồ Thị Thu T1 và N4 (chưa rõ nhân thân lai lịch). Uống rượu khoảng 30 phút, chị T1 và N4 đi vào trong nhà ngủ trước còn S, G và N1 tiếp tục ngồi uống rượu đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển số 60M1 – 8383 của N1 chở N1, G và N4 qua thị trấn T, huyện B. Khi đến khu vực trước tiệm cầm đồ “Ba Thiên” thuộc thị trấn T, huyện B thì chị N4 xuống xe.

Sau khi N4 xuống xe thì S tiếp tục điều khiển xe chở G và N1 đến khu vực trước đường vào sân bóng đá mini “Thanh Bình” thuộc khu phố T, thị trấn T thì S dừng xe và đưa cho G 70.000 đồng để đồ xăng và mua dao. Do trước đó khoảng 01 tuần, S có điện thoại bằng messenger facebook kể cho N1 nghe việc ông Đ bị đánh khi nhặt phế liệu ở sân bóng đá của anh D1 và rủ N1 tìm đánh anh D1 nên N1 biết G và S đi đánh anh D1 và đi cùng để giúp S và G. G đi khoảng 10 phút thì quay lại nhưng không mua được dao nên S nói G đứng chờ để S và N1 đi mua dao. S chở N1 đến quán tạp hóa “Băng Nhi” của anh Nguyễn Đức T2 ở khu phố T, thị trấn T mua 02 con dao (dạng dao thái lan) rồi quay lại chỗ G. S nói với G “Mày ở đây coi xe để anh và anh N1 vào đánh nó, khi nào anh và anh N1 chạy ra anh nói đập nổ máy xe thì mày hãy đập”, thì G đồng ý. S mượn áo khoác của N1 để mặc, hai tay cầm 02 con dao, quay mũi dao vào phía trong tay áo để tránh bị người khác phát hiện rồi cùng N1 đi về phía sân bóng đá mini T4 tìm đánh anh D1. Khi đi đến gần sân bóng, S thấy anh D1 đang đứng ở phía bên trong chòi lá nên đi đến chỗ anh D1 đang đứng, N1 cũng đi theo sau, cách S khoảng 02m. Khi S đứng đối diện, cách anh D1 50cm, S giả bộ hỏi “ở đây có cho mượn sân đá banh không”, anh D1 chưa kịp trả lời thì hai tay S cầm hai con dao thái lan đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng ngực, bụng và tay anh D1 rồi cầm dao cùng N1 bỏ chạy ra chỗ G đứng đợi. S khởi động xe và điều khiển xe chở N1 và G bỏ trốn. Khi đến khu vực ấp T, thị trấn T, S rút 02 con dao gây án ven đường rồi điều khiển xe chở N1 và G đi mua bia đem đến nhà chị gái của S là Nguyễn Thị C tại thôn B, xã P, huyện B để uống. Trên đường đi,

S tiếp tục vứt bỏ chiếc áo khoác mặc lúc gây án tại khu vực cầu S thuộc thôn B, xã P.

Tại nhà chị C, S kể cho chị C và anh rể là Nguyễn Tấn T về việc S đã đâm anh D1 thì được chị C và anh T khuyên S ra đầu thú. Khoảng 01 giờ ngày 14/6/2022, S điều khiển xe chở N1 và G đi về nhà S tại ấp H, xã L, huyện L. Trên đường đi, do sợ bị cơ quan Công an phát hiện ra hung khí gây án nên S quay lại nhặt 02 con dao thái lan rồi đưa cho G cầm. Khi đến khu vực ấp T, thì trấn T thì G ném 02 con dao xuống cống thủy lợi. Đến ngày 15/6/2022, S, G, N1 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 201/KL(PY) - KTHS ngày 12/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Cơ thể có nhiều vết thương có cùng đặc điểm bờ mép sắc gọn, thành gọn, có một góc nhọn, đáy nhọn.

+ Thủng gan, đứt bó mạch thận phải, thủng DII tá tràng.

+ Ổ bụng chứa nhiều máu đông cục.

2. Nguyên nhân anh Từ Khắc D1 sinh năm 1977 chết là bị đa vết thương thấu ngực, bụng gây thủng gan, ruột, đứt mạch đứt bó mạch thận phải gây sốc mất máu cấp không hồi phục, hôn mê sâu dẫn đến tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y về ADN số 298/22/TC-ADN ngày 05/7/2022 của V kết luận:

+ ADN thu từ chiếc khẩu trang thu tại vị trí số 5 trùng khớp hoàn toàn với ADN của Nguyễn Văn S và không trùng khớp với ADN của Từ Khắc D1.

+ ADN thu từ mẫu dấu vết màu nâu đỏ thu tại vị trí số 2, mẫu dấu vết màu nâu đỏ thu tại vị trí số 3, mẫu phết bề mặt phần lưỡi của con dao thứ 2, chiếc áo khoác gửi giám định trùng khớp hoàn toàn với ADN của Từ Khắc D1 và không trùng khớp với ADN của Nguyễn Văn S.

Tại bản kết luận giám định vật gây thương tích số 49/KLVGTT – TTPY ngày 18/4/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, kết luận: 02 con dao (vật chứng giám định) khi tác động vào cơ thể gây ra được các vết thương trên cơ thể của anh Từ Khắc D1.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường: Đôi dép (dạng quai ngang), màu đen, trên dép có chữ “HaFa”, số 39; 01 khẩu trang màu trắng, trên khẩu trang có chữ “KN95”, “umino”.

- Thu giữ trong quá trình truy tìm vật chứng:

+ 02 con dao có đặc điểm tương đồng, dài 23cm; phần cán dao màu vàng, chiều dài 10cm, trên cán dao có chữ “Kiwi”; phần lưỡi dao dài 13cm, bằng kim loại, trên lưỡi dao có chữ “KIWI-BRAND MADE IN THAILAND”.

+ 01 áo khoác vải, màu trắng, kích thước dài 90cm, loại áo khoác tay dài có mũ che đầu.

- Thu giữ trong quá trình điều tra, xác minh:

+ 01 áo thun ngắn tay cổ tròn, màu nâu, trên thân áo có chữ “DESTINATION”; 01 quần jean dài màu xanh, lưng quần có chữ “JEANS FASTION”; 01 quần lót, màu xám, trên lưng quần có chữ “BOOST” của Nguyễn Văn S. Các vật chứng nêu trên là hung khí, đồ vật dùng vào việc phạm tội và tài sản không còn giá trị sử dụng.

+ 01 điện thoại Iphone, màu hồng, số IMEI: 359204078786477 thu giữ của Nguyễn Văn S; 01 điện thoại Samsung A01, màu đen đỏ, số IMEI: 353211761305347 thu giữ của Trần Xuân G. Đây là điện thoại cả 02 dùng để liên lạc trao đổi thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 điện thoại OPPO A3S, màu đỏ, số IMEI: 861703047627655 của Nguyễn Hữu N1.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRENA, màu nâu, biển kiểm soát 60M1 – 8383 thu giữ của Nguyễn Hữu N1. Qua điều tra xác định đây là xe của anh Nguyễn Trường N5 nhưng anh N5 đã bán cho ông Nguyễn Văn N2 (bố N1), khi bán không làm giấy tờ mua bán. Hiện nay ông N2 đã chết, xe để lại cho bà Nguyễn Thị M (mẹ của N1) và bà M cho N1 mượn nhưng không biết N1 sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: ông Từ Trọng Nghĩa 1 người đại diện của bị hại Từ Khắc D1 yêu cầu bồi thường số tiền mai táng phí là 365.201.724 đồng. Các bị cáo S, G và N1 chưa bồi thường.

Cáo trạng số 29/CT-VKSBP-P2 ngày 01/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại chi phí mai táng và các chi phí khác là 360.000.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo bồi thường một phần ba thiệt hại.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Từ Trọng N3 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền mai táng phí, tổn thất tinh thần và toàn bộ các thiệt hại khác là 360.000.000 đồng. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xử đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1 và Trần Xuân G tại Cáo trạng số 29/CT-VKSBP-P2 ngày 01/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1 và Trần Xuân G phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S mức hình phạt từ 17 đến 18 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 mức hình phạt từ 15 đến 16 năm tù

Xử phạt bị cáo Trần Xuân G mức hình phạt từ 13 đến 14 năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường giữa người đại diện hợp pháp bị hại và các bị cáo số tiền 360.000.000 đồng.

Về các vấn đề khác như xử lý vật chứng, án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa:

Thông nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với các bị cáo S, N1, G. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của các bị cáo. Bị cáo S là người khởi sự, rủ rê nên phải chịu trách nhiệm chính. Tuy nhiên, bị cáo không có quốc tịch, không căn cước, ...nên hiểu biết pháp luật hạn chế, đã lựa chọn cách hành xử sai lầm; mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị vừa phải nhưng thấp hơn thì phù hợp hơn. Hai bị cáo còn lại Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt cao, tương đương gần bị cáo S trong khi hai bị cáo chỉ tham gia, không trực tiếp đâm người bị hại. Viện kiểm sát chưa cân đối mức hình phạt đối với hai bị cáo còn lại, mức phạt hai bị cáo cao quá, 11 -12 năm là phù hợp.

Đại diện hợp pháp của bị hại: Bị cáo S có hành vi giết người man rợ, cần loại bỏ ra xã hội, mức án cao nhất cho bị cáo S.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin lỗi gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G đã khai nhận đã cùng nhau chuẩn bị hung khí tới gặp anh Từ Khắc D1 giải quyết mâu thuẫn của gia đình S trước đó và khi tìm gặp được anh D1, S đã dùng hai con dao đâm anh D1 nhiều nhất gây tử vong rồi cùng nhau tẩu thoát. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định pháp y về tử thi, pháp y về ADN, Kết luận giám định pháp y; phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thực hiện hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bức tức vì cho rằng cha ruột mình là ông Nguyễn Văn Đ bị anh Từ Khắc D1 đánh nên Nguyễn Văn S đã nảy sinh ý định đánh anh D1 để trả thù. Ngày 13/6/2022, S rủ Nguyễn Hữu N1 và Trần Xuân G đến sân bóng đá mini T thuộc khu phố T, trị trấn T, huyện B tìm đánh anh D1 thì N1 và G đồng ý. Sau khi S mua được 02 con dao (dạng dao thái lan) thì S và N1 vào trong sân bóng mini T4 tìm đánh anh D1, còn G đứng đợi bên ngoài để khi S và N1 đánh anh D1 xong sẽ điều khiển xe chở S và N1 cùng tẩu thoát. Khi gặp anh D1, hai tay S cầm 02 con dao thái lan đâm liên tiếp nhiều nhất vào vùng ngực, bụng và tay anh D1. Hậu quả, anh D1 bị đa vết thương thấu ngực, bụng gây thủng gan, ruột, đứt mạch, đứt bó mạch thận phải gây sốc mất máu cấp không hồi phục, hôn mê sâu dẫn đến tử vong.

Hành vi của Nguyễn Văn S là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực nhất, trực tiếp cầm 02 con dao thái lan đâm anh Từ Khắc D1 nhiều nhất dẫn đến tử vong; hành vi của Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G đồng ý đi cùng S để tìm đánh anh D1 với vai trò giúp sức tích cực về tinh thần, vật chất cho Nguyễn Văn S thực hiện hành vi phạm tội. Chỉ vì nghi ngờ anh D1 đánh cha mình không cho trộm ve chai trong khu vực sân bóng đá của bị hại mà bị cáo đã rủ N1 và G bàn bạc, chuẩn bị hung khí, cùng nhau tới sân bóng của anh D1, đâm anh D1 tử vong.

Hành vi của các bị cáo thể hiện sự côn đồ, hung hãn, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác, phạm tội “Giết người” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi, hậu quả của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng con người là khách thể được pháp luật hình sự ưu tiên bảo vệ, gây mất mát đau thương cho gia đình bị hại không có gì bù đắp được. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Hữu N1 có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc dùng dao đâm vào bị hại là trái pháp luật, có thể tước đoạt tính mạng của bị hại nhưng chỉ vì lý do nhỏ nhặt, không có lỗi của người bị hại mà bị cáo S nảy sinh ý định đánh anh D1 để trả thù. Ngày 13/6/2022, S mua 02 con dao thái lan cùng Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G đến sân bóng đá mini T4 tìm đánh anh D1. Khi đến sân bóng đá, S và N1 đi vào, S dùng dao thái lan đâm liên tục nhiều nhát vào người anh D1 khiến anh D1 tử vong. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác và bất chấp hậu quả của các bị cáo. Hậu quả là bị hại tử vong nên các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi giết người, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong đó, bị cáo S là người chủ mưu, cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi tấn công anh D1 nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra và vai trò của bị cáo trong vụ án, cần áp dụng mức cao nhất hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

Đối với bị cáo N1 và bị cáo G, mặc dù không mâu thuẫn gì với anh D1, nhưng đã đồng tình đi hỗ trợ sang thực hiện hành vi giết người. Nếu không có N1 và G hỗ trợ thì S sẽ khó khăn hơn trong việc tấn công anh D1. Vì vậy, phải xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tù tương xứng nhưng nhẹ hơn bị cáo S.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Từ Trọng N3 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền mai tang phí và các thiệt hại khác với tổng số tiền là 365.201.724 đồng. Tại phiên tòa, ông N3 yêu cầu các bị cáo bồi thường 360.000.000 đồng chẵn. Các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền bị hại, mỗi bị cáo bồi thường một phần ba. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: Đôi dép cũ không còn giá trị sử dụng; 01 khẩu trang màu trắng, trên khẩu trang có chữ “KN95”, “umino”; 02 con dao là công cụ phạm tội; 01 áo khoác vải, màu trắng và 01 áo thun ngắn tay cổ tròn, màu nâu; 01 quần jean dài màu xanh; 01 quần lót, màu xám của Nguyễn Văn S, đã cũ không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 01 điện thoại Iphone, thu giữ của Nguyễn Văn S; 01 điện thoại Samsung thu giữ của Trần Xuân G. Đây là điện thoại cả 02 bị cáo dùng để liên lạc trao đổi thực hiện hành vi phạm tội, nên tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 điện thoại OPPO A3S của Nguyễn Hữu N1. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của N1, không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án về phần nghĩa vụ dân sự;

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRENA, màu nâu, thu giữ của Nguyễn Hữu N1. Qua điều tra xác định đây là xe của anh Nguyễn Trường N5 nhưng anh N5 đã bán cho ông Nguyễn Văn N2 (bố N1), khi bán không làm giấy tờ mua bán. Hiện nay ông N2 đã chết, xe để lại cho bà Nguyễn Thị M (mẹ của N1) và bà M cho N1 mượn nhưng không biết N1 sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bà M.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về hình

phạt, cần xử phạt bị cáo S cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát và giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo N1 và bị cáo G như phân tích ở trên.

[10] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa về tội danh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2022. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2022. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân G 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2022. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 3, 584, 585, 591 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là bà Đặng Thị B tổng số tiền 360.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà B 120.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 đôi dép (dạng quai ngang), màu đen, trên dép có chữ “HaFa”, số 39; 01 khẩu trang màu trắng, trên khẩu trang có chữ “KN95”, “umino”;

+ 02 con dao có đặc điểm tương đồng, dài 23cm; phần cán dao màu vàng, chiều dài 10cm, trên cán dao có chữ “Kiwi”; phần lưỡi dao dài 13cm, bằng kim loại, trên lưỡi dao có chữ “KIWI-BRAND MADE IN THAILAND”;

+ 01 áo khoác vải, màu trắng, kích thước dài 90cm, loại áo khoác tay dài có mũ che đầu;

+ 01 áo thun ngắn tay cổ tròn, màu nâu, trên thân áo có chữ “DESTINATION”; 01 quần jean dài màu xanh, lưng quần có chữ “JEANS FASTION”; 01 quần lót, màu xám, trên lưng quần có chữ “BOOST” của Nguyễn Văn S.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone, màu hồng, số IMEI: 359204078786477 thu giữ của Nguyễn Văn S; 01 điện thoại Samsung A01, màu đen đỏ, số IMEI: 353211761305347 thu giữ của Trần Xuân G.

- Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 điện thoại OPPO A3S, màu đỏ, số IMEI: 861703047627655 của Nguyễn Hữu N1.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M: 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRENA, màu nâu, biển kiểm soát 60M1 – 8383 thu giữ của Nguyễn Hữu N1.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/8/2023 và Bảng kê tang vật kèm theo của Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước)

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần Xuân G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu N1, Trần

Xuân G mỗi bị cáo phải chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS - CA tỉnh Bình Phước (1)
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (3)
- Bị hại; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- THCTP; Lưu THS; Tòa HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tiến Hiệp